

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12/6/2019

V/v: “ Xin ly hôn, nuôi con ”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tự.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Giữ

2/ Ông Nguyễn Thị Thu Trang

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Thanh Điền - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long không tham dự phiên tòa.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 258/2019/TLST-HNGĐ, ngày 18/12/2018 về việc “Xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/4/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị TA, sinh năm 1993 (có mặt)

ĐKKHKT: Tổ 1, ấp TH, xã TQ, huyện BT, VL.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1988 (có mặt)

ĐKKHKT: Tổ 4, ấp TT, xã TĐ, huyện BT, VL.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và bản khai ngày 5/3/2019 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị TA trình bày: Vào năm 2015, Tôi và anh Nguyễn Văn Đ quen biết nhau, sau một thời gian tìm hiểu, chúng tôi tiến tới hôn nhân, cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới. Nữ trang ngày cưới gồm: 1 đôi bông hoa tai 1 chỉ vàng 24k, 1 sợi dây chuyền 5 chỉ vàng 24k, 1 lắc 4 chỉ vàng 24k, số số nữ trang này vợ chồng thỏa thuận bán để tiêu xài hết. Chúng tôi có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện BT và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/5/2015.

Sau khi cưới, vợ chồng chúng tôi về sống bên chồng tại xã TĐ, huyện BT, tỉnh VL.

Thời gian đầu, Chúng tôi sống rất hạnh phúc và sinh được 1 con chung tên Nguyễn Hoàng MQ, sinh ngày 27/12/2016, Hiện cháu đang sống với tôi.

Trong thời gian chung sống chúng tôi không tạo lập ra tài sản chung, không thiếu nợ ai, cũng không có ai thiếu nợ vợ chồng chúng tôi.

Về mâu thuẫn gia đình: Từ khi về sống chung lúc đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc. Đến năm 2017, anh Đ không chí thú làm ăn, cũng từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm bị rạn nứt, tôi bỏ về nhà cha mẹ ruột tôi sống cho đến nay. Chồng tôi ngày càng gây cho tôi nhiều áp lực. Chúng tôi bất đồng trong quan điểm sống, chúng tôi mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn lại tình cảm. Nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Về hôn nhân: Tôi xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Về con chung: Tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng MQ, sinh ngày 27/12/2016, tôi không cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

* Anh Nguyễn Văn Đ là bị đơn không nộp bản khai trình bày ý kiến.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị TA trình bày: Về mâu thuẫn gia đình: Do anh Đ không chí thú làm ăn, cũng từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm bị rạn nứt, tôi bỏ về nhà cha mẹ ruột tôi sống và chúng tôi ly thân từ tháng 9/2018 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn lại tình cảm. nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Về hôn nhân: Tôi xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Về con chung: Tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng MQ, sinh ngày 27/12/2016, tôi không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày: chị A trình bày về thời gian kết hôn, con chung, tài sản và mâu thuẫn gia đình là đúng. Tôi nhận thấy cái sai của mình và hứa sửa đổi để đoàn tụ với gia đình, chăm sóc cho vợ, cho con. Nay chị A xin ly hôn tôi không đồng ý vì tôi còn thương vợ và thương con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có sơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Xin ly hôn, nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã TĐ, huyện BT, tỉnh VL và có mặt tại địa phương do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BT.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2015, chị Nguyễn Thị TA và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn, cha mẹ hai bên đồng ý. Do anh Đ không chí thú làm ăn, cũng từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình

cảm bị rạn nứt, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị A và anh Đ ly thân từ tháng 9/2018 cho đến nay. Anh Đ xác định còn thương vợ và thương con không đồng ý ly hôn chị A. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn lại tình cảm được nên chị A quyết định xin ly hôn anh Đ là có căn cứ. Do đó áp dụng vào Điều 9, 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị A.

[4]Xét về con chung: Chị Nguyễn Thị TA và anh Nguyễn Văn Đ sống chung với nhau có sinh 1 con chung tên Nguyễn Hoàng MQ, sinh ngày 27/12/2016. Hiện chị A đang nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đúng được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Xét thấy cháu Q dưới 36 tháng tuổi và chị A có đủ điều kiện để nuôi và chăm sóc cháu Q, để đảm bảo ổn định môi trường sống và sinh hoạt hàng ngày của cháu Q không bị thay đổi. Áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị A.

Anh Nguyễn Văn Đ được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh Đ không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[5]Về quan hệ tài sản: Chị A và anh Đ không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

-Chị Nguyễn Thị Thu A nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị A được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015251 ngày 17/12/2018 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị TA.

1/Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị TA được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2/Về con chung: Chị Nguyễn Thị TA được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng MQ, sinh ngày 27/12//2016, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn Đ được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh Đ không được lạm dụng việc trông nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Đ.

3/Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị TA nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị A được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015251 ngày 17/12/2018 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

5/Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/Án xử công khai có mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị TA, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKSH Bình Tân;
- THAH Bình Tân;
- UBND xã Thành Đông,
Bình Tân, Vĩnh Long;
- các đương sự;
- Lưu.

Phạm Thành Tự